

Buôn Hồ, ngày tháng 08 năm 2022

**PHIẾU CHỌN TỔ HỢP MÔN HỌC LỚP 10
NĂM HỌC 2022-2023**

Kính gửi: Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

Tên tôi là:.....Số điện thoại.....

Là phụ huynh của học sinh.....

Ngày sinh/...../.....Nơi sinh.....Dân tộc.....

Học sinh trường THCS.....Mã học sinh.....

Số Căn cước công dân.....Số điện thoại học sinh.....

Sau khi nghiên cứu phương án tổ chức dạy học, danh mục sách giáo khoa áp dụng tại trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, năm học 2022-2023 và hướng dẫn của nhà trường. Căn cứ khả năng và nguyện vọng định hướng nghề nghiệp của con, em chúng tôi. Tôi và học sinh đăng ký chọn tổ hợp môn học sau:

I. Môn học bắt buộc: Ngữ Văn; Toán; Tiếng Anh; Lịch sử; Thể dục; GDQP&AN; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục của địa phương cùng 3 chuyên đề theo lựa chọn của nhà trường.

II. Môn học lựa chọn

1. Nguyên vọng 1: Chọn tổ hợp số..... (chọn 1 trong số 8 tổ hợp theo phương án),
Gồm 4 môn:.....

2. Nguyên vọng 2: Chọn tổ hợp số..... (chọn 1 trong số 7 tổ hợp còn lại), Gồm 4
môn:.....

3. Nguyên vọng 3: Chọn tổ hợp số..... (chọn 1 trong số 6 tổ hợp còn lại), Gồm 4
môn:.....

4. Nguyên vọng 4: (Chọn theo bản thân gồm 4 môn trong số 9 môn học lựa chọn: Lý,
Hóa, Sinh, Địa, KT&PL, Tin học, Công nghệ, Nhạc, Mỹ thuật) gồm 4 môn.....

III. Đăng ký mua sách giáo khoa (học sinh có thể đăng ký mua SGK tại thư viện trường đúng theo môn học học sinh được xếp. Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Có, tôi đăng ký

Không đăng ký

Học sinh
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ huynh
(ký và ghi rõ họ tên)

**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10
ÁP DỤNG TẠI TRƯỜNG THPT HUỖNH THỨC KHÁNG, NĂM HỌC 2022-2023**

Thực hiện theo Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018

| S T T | Tổ hợp | Số lớp | Môn học bắt buộc – tiết/tuần | | | | | | | Môn học lựa chọn – tiết/tuần (4 môn trong số 9 môn) | | | | | | | | | Chuyên đề - tiết/tuần | | | | | | | Tổng số môn | Tổng tiết/tuần | | | | |
|-------------|----------|--------|------------------------------|------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------|---|--------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|---|---------------------|-----------------------|--------------------------|------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|-------------|----------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|
| | | | Ngữ văn (sách cánh diều) | Toán (sách KNTT) | Tiếng Anh (sách Global Success) | Lịch Sử (sách cánh diều) | Thể dục (sách KNTT & CD) | QPAN (sách cánh diều) | Giáo dục địa phương | Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (sách KNTT) | Vật lí (sách KNTT) | Hóa học (sách cánh diều) | Sinh học (sách cánh diều) | Địa lí (sách cánh diều) | KTPL (sách cánh diều) | Tin học (sách KNTT) | Công nghệ: Kt: (sách KNTT) Nn: (sách cánh diều) | Âm nhạc (Sách KNTT) | Mỹ thuật (Sách KNTT) | Ngữ văn (sách cánh diều) | Toán (sách KNTT) | Tiếng Anh (sách Global Success) | Lịch Sử (sách cánh diều) | Vật Lí (sách KNTT) | Hóa học (sách cánh diều) | | | Sinh học (sách cánh diều) | Địa lí (sách cánh diều) | KTPL (sách cánh diều) | Tin học (sách KNTT) |
| 1 | Tổ hợp 1 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 | | 2 | | | | 1 | | | | | 1 | 1 | | | | | 12 | 28,5 |
| 2 | Tổ hợp 2 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 | | 2 | | | | 1 | | | | | 1 | 1 | | | | | 12 | 28,5 |
| 3 | Tổ hợp 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | | 2 | 2 | 2 | | 2 | | | 1 | | | | | 1 | | 1 | | | | 12 | 28,5 |
| 4 | Tổ hợp 4 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | | 2 | | 2 | 2 | 2 | | | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | | 12 | 28,5 |
| 5 | Tổ hợp 5 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | | 2 | | 2 | 2 | | | | 1 | | | 1 | | | 1 | | | | 12 | 28,5 |
| 6 | Tổ hợp 6 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | | 2 | | 2 | | | 1 | | | | 1 | 1 | | | | | | 12 | 28,5 |
| 7 | Tổ hợp 7 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | | 2 | 2 | 2 | | | | 1 | | | | 1 | | | 1 | | | | 12 | 28,5 |
| 8 | Tổ hợp 8 | 1 | 3 | 3 | 3 | 1,5 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | | 2 | 2 | | 2 | | | 1 | | 1 | | | | | 1 | | | | 12 | 28,5 |

Lưu ý: Mỗi học sinh đều phải học 8 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Tiếng anh, Lịch sử, Thể dục, Quốc phòng An ninh, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp), 4 môn lựa chọn trong tổng số 9 môn (Lý, Hóa, Sinh, Địa, KT&PL, Tin, Công nghệ, Nhạc, Mỹ thuật)) và 3 chuyên đề trong số các môn tự chọn và bắt buộc.

Học sinh căn cứ năng lực, nguyện vọng chọn 3 trong số 8 tổ hợp theo phương án của Nhà trường và xếp thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp tương ứng nguyện vọng 1, 2, 3. Ngoài ra học sinh đăng ký nguyện vọng 4 là chọn 4 môn trong số 9 môn học lựa chọn để nhà trường thống kê, đánh giá thực trạng để xây dựng các phương án khác.

Căn cứ tổ hợp đăng ký của từng tổ hợp, nhà trường xét tổng điểm các môn học lớp 9 theo tổ hợp đăng ký. Lấy từ cao đến đủ chỉ tiêu của tổ hợp. Học sinh rớt nguyện vọng 1 thì xét nguyện vọng 2 đến 3 để phân vào lớp.